

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HOÁ
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HS-ST

Ngày: 27-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HOÁ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Quang Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Trung và ông Hồ Văn Toàn

- **Thư ký phiên toà:** Bà Bùi Thị Bé – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hải Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2023/TLST-HS ngày 14/02/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 24/2023/QĐXXST-HS ngày 13/4/2023, đối với bị cáo:

Võ Thị N (tên gọi khác: **N**), sinh ngày 09/10/1967, tại thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Số ** HV, phường HC, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn T (đã chết) và bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1930; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư; Chồng: Phạm Hồng D, sinh năm 1965 (đã ly hôn); Có 04 con, con lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/9/2022 đến ngày 26/12/2022, sau đó được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị N: Bà Nguyễn Hoàng A - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư ĐP; Địa chỉ: Số ** NGT, phường HC, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; Địa chỉ: thôn TH, xã LB, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1978; Địa chỉ: khóm CV, thị trấn LB, huyện

Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Bà Mai Thị Huyền N, sinh năm 1966; Địa chỉ: ** NQ, phường HB, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Lê Thị Như Q, sinh năm 1988; Địa chỉ: khóm TC, thị trấn LB, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Bà Phạm Võ Cát T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số ** HV, phường HC, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1991; Địa chỉ: thôn A, xã VT, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1990; Địa chỉ: khu phố TT, phường B, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Ông Lý Thanh H, sinh năm 1976; Địa chỉ: ** TT, phường AT, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 10/11/2021, Võ Thị N (*là công dân Việt Nam sang làm ăn, sinh sống ở Viêng Chăn, Lào*) đến nhà ở của bà Mai Thị Huyền N (*ở NaSaLa, Viêng Chăn, Lào*) để nhờ bà N gửi 02 gói hàng về Việt Nam cho con gái là Phạm Võ Cát T. Gói hàng thứ nhất chứa tài sản gồm 01 thanh kim loại màu vàng, 51 sợi kim loại vàng và 100 tờ tiền Dollar Mỹ mệnh giá 100 USD được bỏ trong một hộp nhựa màu trắng trong suốt không có nắp cài, kích thước 16 x 11 x 8cm, bên ngoài được bọc bằng nilon màu vàng sẫm và quấn băng keo dính màu trắng, trên lớp nilon màu vàng sẫm có ghi dòng số “0772331331”, dòng chữ “Đà Nẵng” ở giữa và dòng số “0772331331” phía dưới. Gói hàng thứ hai bên trong có 24 miếng kim loại màu bạc, 56 vòng kim loại màu hồng nhạt, 65 vòng kim loại màu trắng được bỏ vào một hộp giấy kích thước 28,5x14x10cm, ba mặt xung quanh thân hộp giấy có dòng chữ BETTER; bên ngoài được bọc bằng bao nilon màu trắng và quấn băng keo dính màu trắng, trên bao nilon màu trắng có ghi dòng số “0772331331” và dòng chữ “Đà Nẵng” phía dưới. (*Số tài sản nêu trên là quá trình làm ăn, buôn bán tại Lào Võ Thị N tích lũy được nên đưa về Việt Nam cho con gái là chị Võ Thị Cát T cất giữ*). Khi gặp bà N để gửi tài sản N chỉ nói gửi hai gói hàng trên về Đà Nẵng cho con gái, không nói rõ bên trong là vàng, bạc và Đô la Mỹ, bà N thấy hai gói hàng đã được đóng gói kỹ càng, bên ngoài có sẵn số điện thoại nên cũng không hỏi gì thêm và nhận số tiền cước phí vận chuyển là 600.000 (*sáu trăm ngàn*) kíp Lào (*số tiền này bà Nga chỉ nhận giúp, sau này sẽ chuyển lại cho chủ phương tiện đã vận chuyển hàng hóa*). Khoảng 15 giờ cùng ngày, người đàn ông tên thường gọi là N (*là phụ xe xe ô tô biển kiểm soát 75H - 001.** của*

bà Nguyễn Thị H) vào nhà bà N đưa hai gói hàng nói trên lên xe ô tô biển kiểm soát 75H - 001.**. Đến 18 giờ cùng ngày, anh Nguyễn Văn P điều khiển xe ô tô 75H - 001.** cùng với N về Việt Nam. Khoảng 05 giờ sáng ngày 11/11/2021, P chạy xe về đến bãi xe của Hải quan Lào, cách Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo khoảng 500 mét, sau đó P để sẵn chìa khóa trên xe và về phòng trọ nghỉ ngơi. Khoảng 08 giờ sáng ngày 11/11/2021, Nguyễn Thị H thuê anh Nguyễn Đức P lái xe ô tô biển kiểm soát 75H – 001.** về cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo để giao lại cho tài xế phía Việt Nam. P đến bãi đỗ xe và tìm thấy xe 75H – 001.**, trên xe có sẵn chìa khóa nên điều khiển xe về khu vực khu vực kiểm dịch, phun khử khuẩn của Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo và giao lại cho Nguyễn Hữu C. Khi giao xe P có nói với C trên thùng xe có một ít hàng tạp hóa. C nhận và lái xe đến khu vực kiểm tra phương tiện của lực lượng Hải quan, Biên Phòng Cửa khẩu Lao Bảo. Tại đây, Lê Thị Như Q là người được Nguyễn Thị H thuê làm thủ tục khai báo nhập cảnh cho xe ô tô 75H - 001.** đã chuẩn bị giấy tờ, thủ tục để ông Chiền xuất trình Cơ quan Hải quan kiểm tra theo quy định.

Chi cục Hải quan cửa khẩu Lao tiến hành làm thủ tục đăng ký tái nhập cảnh từ Lào về Việt Nam cho phương tiện vận tải biển kiểm soát 75H-001.** do ông Nguyễn Hữu C điều khiển, xuất trình theo tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập số 71362/TXTN/HQCK-B32B/2021 và kiểm tra phương tiện 75H-001.** theo quy định của pháp luật. Quá trình kiểm tra, phát hiện tại vị trí ngăn đựng đồ phía trần cabin xe có 02 gói hàng hoá được cất giấu trên ngăn đựng đồ phía trần ca bin xe ô tô biển kiểm soát 75H-001.**, không thực hiện thủ tục khai hải quan theo quy định, nghi vấn có dấu hiệu vi phạm pháp luật Chi cục Hải quan Cửa khẩu Lao Bảo ban hành quyết định khám phương tiện theo quy định. Chi cục Hải quan Cửa khẩu Lao Bảo yêu cầu ông Nguyễn Hữu C đưa hai gói hàng hoá nói trên vào soi chiếu tại máy soi hành lý Hi-Sean S/N 114976. Qua phân tích hình ảnh soi chiếu, phát hiện hàng hóa nghi vấn nên Chi cục Hải quan Cửa khẩu Lao Bảo yêu cầu ông Nguyễn Hữu C chứng kiến sự việc đồng thời phối hợp mở 02 gói hàng để kiểm tra và phát hiện bên trong hai gói hàng có các tài sản nói trên. Tại thời điểm Cơ quan Hải quan phát hiện số tài sản nêu trên, ông Nguyễn Hữu C (người điều khiển phương tiện 75H- 001.***) và bà Lê Thị Như Q (người làm thủ tục nhập cảnh cho phương tiện 75H-001.***) không xuất trình được hóa đơn, chứng từ chứng minh tính hợp pháp của các loại hàng hóa. Chi cục Hải quan Cửa khẩu Lao Bảo đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Hữu C, tạm giữ toàn bộ tang vật, phương tiện.

Vật chứng, đồ vật thu giữ, gồm:

- 100 (một trăm) tờ tiền Dollar Mỹ, mệnh giá 100USD;
- 01 (một) thanh kim loại màu vàng; 24 (hai mươi bốn) miếng kim loại màu trắng; 56 (năm mươi sáu) vòng kim loại màu hồng nhạt; 65 (sáu mươi lăm) vòng kim loại màu trắng; 51 (năm mươi một) sợi dây bằng kim loại màu vàng.

- 01 (một) hộp giấy kích thước (28,5x14x10)cm, được quấn bằng keo màu trắng trong suốt và được bọc bằng bao nylon màu trắng, bên ngoài hộp giấy có dòng chữ “BETTER”, phía trên bao nylon màu trắng có nội dung dòng chữ “0772331331 Đà Nẵng”; 01 (một) hộp nhựa trong suốt không có nắp cài, kích thước (16x11x8)cm, được bọc bên ngoài bằng nylon màu vàng và quấn bằng keo màu trắng trong suốt, phía trên bao nylon màu vàng có nội dung dòng chữ “0772331331 Đà Nẵng 0772331331”.

- 01 (một) xe ô tô mang biển kiểm soát 75H-001.32; loại xe: tải có mui; nhãn hiệu CHENGLONG; số loại: LZ1310H7FBT; số máy: YC6L33050LG2L9L00172; số khung: LGGX5D653LL743087, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong; 01 (một) giấy phép liên vận Việt – Lào số 107380/2021, số đăng ký phương tiện 75H-001.32.

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng E, FC số 450035004171 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị cấp ngày 08/3/2021 mang tên Nguyễn Hữu C; 01 (một) giấy thông hành số QT/385/2021 do Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 03/11/2021, cấp cho Nguyễn Hữu C.

Bản Kết luận giám định số: 95/C09C-Đ2 ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng - Viện khoa học hình sự, kết luận:

- 01 (một) thanh kim loại màu vàng (ký hiệu V1) gửi giám định có kim loại vàng (Au); hàm lượng kim loại vàng là 99,08%; khối lượng mẫu là 1283,40gam; khối lượng kim loại vàng trong mẫu là 1271,59gam.

- 55 (năm mươi lăm) vòng kim loại màu hồng nhạt (ký hiệu từ A1 đến A55) gửi giám định đều có kim loại vàng (Au), bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại vàng là 37,49%; hàm lượng trung bình kim loại bạc là 7,79%; tổng khối lượng mẫu là 42,18gam; khối lượng kim loại vàng trong mẫu là 15,81gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 3,28gam.

- 64 (sáu mươi tư) vòng kim loại màu trắng (ký hiệu từ C1 đến C64) gửi giám định đều có kim loại vàng (Au), bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại vàng là 37,16%; hàm lượng trung bình kim loại bạc là 8,32%; tổng khối lượng mẫu là 50,10gam; khối lượng kim loại vàng trong mẫu là 18,61gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 4,16gam.

- 51 (năm mươi một) sợi dây bằng kim loại màu vàng (ký hiệu từ D1 đến D51) gửi giám định đều có kim loại vàng (Au), bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại vàng là 37,68%; hàm lượng trung bình kim loại bạc là 12,68%, tổng khối lượng mẫu là 756,21gam; khối lượng kim loại vàng trong mẫu là 284,93gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 95,88 gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B1) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 15,06%; khối lượng mẫu là 520,33 gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 78,36gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B2) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 17,43%; khối lượng mẫu là 518,44gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 90,36gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B3) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 17,32%; khối lượng mẫu là 519,90gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 90,04gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B4) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 17,83%; khối lượng mẫu là 559,07gam khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 99,68gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B5) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 17,34%; khối lượng mẫu là 519,30gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 90,04gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B6) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 17,69%; khối lượng mẫu là 519,54gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 91,90gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B7) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 26,84%; khối lượng mẫu là 504,10gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 135,30gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B8) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 18,38%; khối lượng mẫu là 541,80gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 99,58gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B9) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 16,84%; khối lượng mẫu là 518,90gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 87,38gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B10) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 16,07%; khối lượng mẫu là 520,12gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 83,58 gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B11) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 19,19%; khối lượng mẫu là 517,69gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 99,34gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B12) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 18,79%; khối lượng mẫu là 519,70gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 97,65gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B13) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 17,76%; khối lượng mẫu là 520,61gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 92,46gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B14) gửi giám định có kim loại (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 17,53%; khối lượng mẫu là là 520,40gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 91,22gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B15) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 17,46%; khối lượng mẫu là 519,20gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 90,65gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B16) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 17,46%; khối lượng mẫu là 520,19gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 90,82gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B17) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 15,21%; khối lượng mẫu là 519,00gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 78,93gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B18) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 17,55%; khối lượng mẫu là 520,71gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 91,38gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B19) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 14,85%; khối lượng mẫu là 453,39gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 67,32gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B20) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 16,74%; khối lượng mẫu là 521,20gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 87,24gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B21) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 19,78%; khối lượng mẫu là 534,80gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 105,78gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B22) gửi giám định có kim loại bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại bạc là 46,95%; khối lượng mẫu là 184,05gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 86,41gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B23) gửi giám định có kim loại vàng (Au), bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại vàng là 38,36%; hàm lượng trung bình kim loại bạc là 31,62%; khối lượng mẫu là 57,17gam; khối lượng kim loại vàng trong mẫu là 21,93gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 18,07gam.

- 01 (một) miếng kim loại (ký hiệu B24) gửi giám định có kim loại vàng (Au), bạc (Ag); hàm lượng trung bình kim loại vàng là 36,40%; hàm lượng trung bình kim loại bạc là 10,12%; khối lượng mẫu là 327,94gam; khối lượng kim loại vàng trong mẫu là 119,37gam; khối lượng kim loại bạc trong mẫu là 33,18gam.

- 100 (một trăm) tờ tiền giấy ngoại tệ gửi giám định là tiền đô la Mỹ thật, mệnh giá 100 USD.

Kết luận định giá tài sản số 66/KL-ĐGTS ngày 23/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hương Hóa kết luận: Tổng giá trị tài sản theo yêu cầu định giá tài sản số 2045/YC-HQLB ngày 22/12/2021 của Chi cục Hải quan Cửa khẩu Lao Bảo là 2.945.983.189 đồng (hai tỷ chín trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm tám mươi ba nghìn một trăm tám mươi chín đồng)

Cụ thể:

- 24 miếng kim loại (số ký hiệu từ B1 đến B24) trị giá 262.008.531 đồng.
- 56 vòng kim loại màu hồng nhạt trị giá 24.838.213 đồng
- 65 vòng kim loại màu trắng trị giá 29.135.445 đồng
- 01 thanh kim loại màu vàng (số ký hiệu V1) trị giá 1.957.860.144 đồng
- 51 sợi dây kim loại màu vàng trị giá 443.550.856 đồng
- 100 tờ tiền Đô la Mỹ mệnh giá 100 USD trị giá 228.590.000 đồng.

Kết luận giám định số 903/KL-KTHS ngày 16/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị, kết luận: Chữ viết có nội dung “0772331331 Đà Nẵng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và chữ viết có nội dung “0772331331 Đà Nẵng 0772331331” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết của Võ Thị N trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người viết ra.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKSHH ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị đã truy tố bị cáo Võ Thị N về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới*” theo khoản 3 Điều 189 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Võ Thị N phạm tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới*”. Căn cứ khoản 3 Điều 189, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Thị N từ 600.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, sung ngân sách nhà nước 100 (một trăm) tờ tiền Dollar Mỹ, mệnh giá 100 USD sau giám định hoàn lại trong 01 hộp nhựa trong suốt (kích thước 21,3x14,8x5,0)cm, được dán kín bằng băng dính và niêm phong bằng hình dấu tròn của Phân viện hoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng và chữ ký của những người tham gia niêm phong; 01 (một) thanh kim loại màu vàng; 24 (hai mươi bốn) miếng kim loại màu trắng; 56 (năm mươi sáu) vòng kim loại màu hồng nhạt; 65 (sáu mươi lăm) vòng kim loại màu trắng; 51 (năm mươi một) sợi dây bằng kim loại màu vàng (Sau giám định hoàn lại 01 (một) thanh kim loại vàng; 24 (hai mươi bốn) miếng kim loại màu trắng; 55 (năm mươi lăm) vòng kim loại màu hồng nhạt; 64 (sáu mươi tư) vòng kim loại màu trắng; 51 (năm mươi một) sợi dây bằng kim loại màu vàng và toàn bộ bao gói được niêm phong trong 01 thùng cát tông dán kín, có hình dấu của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng và chữ ký của những người tham gia niêm phong) và 600.00 kíp Lào.

Tịch thu, tiêu hủy 01 hộp giấy kích thước (28,5x14x10)cm, được quấn băng keo màu trắng trong suốt và được bọc bằng bao nilon màu trắng, bên ngoài hộp giấy có dòng chữ “BETTER”, phía trên bao nilon màu trắng có nội dung dòng chữ “0772331331 Đà Nẵng”; 01 hộp nhựa trong suốt không có nắp cài, kích thước

(16x11x8)cm, được bọc bên ngoài bằng nilon màu vàng và quấn băng keo màu trắng trong suốt, phía trên bao nilon màu vàng có nội dung dòng chữ “0772331331 Đà Nẵng 0772331331” (Sau giám định hoàn trả trong túi niêm phong ký hiệu PS1A, mã số 067385, có hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị và chữ ký xác nhận của những người tham gia niêm phong).

Về án phí: Bị cáo Võ Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị N trình bày lời bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, t, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 189 Bộ luật hình sự xem xét cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất và được phạt tiền. Đề nghị trả lại cho bị cáo 5.000 USD và 300 gram vàng được quy ra bằng tiền Việt Nam là 589.000.000 đồng và được nộp khấu trừ vào số tiền bị cáo bị xử phạt.

Bị cáo Võ Thị N trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi như Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa truy tố. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hướng Hóa, điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, xác định được: Ngày 10/11/2021, Võ Thị N đã có hành vi vận chuyển vàng, bạc và tiền ngoại tệ (đô la Mỹ) từ Lào về Việt Nam qua Cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo không khai báo, không thực hiện thủ tục hải quan theo quy định. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 66/KL-ĐGTS ngày 23/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hướng Hóa tổng giá trị tài sản là 2.945.983.189 đồng. Hành vi của bị cáo Võ Thị N đã phạm vào tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới*”, tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 189 Bộ luật hình sự.

[3] Xét về tính chất, hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong quản lý xuất

nhập khẩu hàng hóa và quản lý tiền ngoại tệ. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới là vi phạm pháp luật. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưóng Hóa, tỉnh Quảng Trị truy tố bị cáo Võ Thị N về hành vi “*Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới*” theo khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, bị cáo được Ủy ban MTTQ Việt Nam phường HC, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng ghi nhận và cảm ơn vì đã hỗ trợ cho Quỹ vì người nghèo địa phương. Ngoài ra, bị cáo là thân nhân (cháu) của liệt sĩ và đã có thời gian đảm nhận thờ cúng Liệt sĩ từ ngày 06/6/2014 đến ngày 15/8/2022 theo Quyết định về việc công nhận và giải quyết trợ cấp một lần đối với thân nhân thờ cúng liệt sĩ và Quyết định về việc chấm dứt chế độ thờ cúng liệt sĩ nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Mặt khác, tội phạm bị cáo thực hiện là loại tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ sức răn đe, phòng ngừa chung và phù hợp với điều kiện, tính chất nghề nghiệp của bị cáo, để từ đó tạo điều kiện cho bị cáo lao động giúp ích cho xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng

- Đối với 100 (*một trăm*) tờ tiền Dollar Mỹ, mệnh giá 100 USD sau giám định hoàn lại trong 01 hộp nhựa trong suốt (kích thước 21,3x14,8x5,0)cm, được dán kín bằng băng dính và niêm phong bằng hình dấu tròn của Phân viện hoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng và chữ ký của những người tham gia niêm phong; 01 (*một*) thanh kim loại màu vàng; 24 (*hai mươi bốn*) miếng kim loại màu trắng; 56 (*năm mươi sáu*) vòng kim loại màu hồng nhạt; 65 (*sáu mươi lăm*) vòng kim loại màu trắng; 51 (*năm mươi một*) sợi dây bằng kim loại màu vàng (*Sau giám định hoàn lại 01 (một) thanh kim loại vàng; 24 (hai mươi bốn) miếng kim loại màu trắng; 55 (năm mươi lăm) vòng kim loại màu hồng nhạt; 64 (sáu mươi tư) vòng kim loại màu trắng; 51 (năm mươi một) sợi dây bằng kim loại màu vàng và toàn bộ bao*

gói được niêm phong trong 01 thùng cát tông dán kín, có hình dấu của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng và chữ ký của những người tham gia niêm phong) là tài sản bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, sung ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 hộp giấy kích thước (28,5x14x10)cm, được quấn băng keo màu trắng trong suốt và được bọc bằng bao nilon màu trắng, bên ngoài hộp giấy có dòng chữ “BETTER”, phía trên bao nilon màu trắng có nội dung dòng chữ “0772331331 Đà Nẵng”; 01 hộp nhựa trong suốt không có nắp cài, kích thước (16x11x8)cm, được bọc bên ngoài bằng nilon màu vàng và quấn băng keo màu trắng trong suốt, phía trên bao nilon màu vàng có nội dung dòng chữ “0772331331 Đà Nẵng 0772331331” (Sau giám định hoàn trả trong túi niêm phong ký hiệu PS1A, mã số 067385, có hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị và chữ ký xác nhận của những người tham gia niêm phong) là tài sản có giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với số tiền 600.000 (sáu trăm ngàn) kíp Lào của bị cáo Võ Thị N đưa cho bà Mai Thị Huyền N để trả tiền cước xe vận chuyển về Việt Nam, bà Mai Thị Huyền N đã tự nguyện giao nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa ngày 19/4/2023 theo Biên lai thu tiền số BB/2021/0000029 đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, sung ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) xe ô tô mang biển kiểm soát 75H-001.32; loại xe: tải có mui; nhãn hiệu CHENGLONG; số loại: LZ1310H7FBT; số máy: YC6L33050LG2L9L00172; số khung: LGGX5D653LL743087, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong; 01 (một) giấy phép liên vận Việt – Lào số 107380/2021, số đăng ký phương tiện 75H-001.32. là tài sản thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị H, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị trả lại cho bà Nguyễn Thị H theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 06/12/2022 là đúng quy định pháp luật.

- Đối với 01 (một) giấy phép lái xe hạng E, FC số 450035004171 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị cấp ngày 08/3/2021 mang tên Nguyễn Hữu C; 01 (một) giấy thông hành số QT/385/2021 do Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 03/11/2021, cấp cho Nguyễn Hữu C là tài sản cá nhân, không phải vật chứng của vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị trả lại cho ông Nguyễn Hữu C theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 30/6/2022 là đúng quy định pháp luật.

[7] Về các vấn đề khác của vụ án

- Đối với bà Mai Thị Huyền N, khi nhận gửi giúp Võ Thị N 02 gói hàng dán kín từ Lào về Việt Nam không biết bên trong là tài sản gì nên không phải xem xét trách nhiệm pháp lý.

- Đối với bà Phạm Võ Cát T, khi gửi 02 gói hàng chứa vàng, bạc, dollar từ Lào về Việt Nam, Võ Thị N không nói cho T biết việc mình gửi số hàng hóa gì về cho T nên không xem xét trách nhiệm pháp lý.

- Đối với bà Nguyễn Thị H (chủ xe ô tô biển kiểm soát 75H-001.**), ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Đức P, ông Nguyễn Hữu C, ông Lý Thanh H (những người điều khiển xe ô tô) và bà Lê Thị Như Q (người làm thủ tục hải quan cho xe ô tô 75H-001.***) không biết trên xe ô tô có 02 gói hàng chứa vàng, bạc, dollar nên không xem xét trách nhiệm pháp lý.

- Đối với người đàn ông Lào tên N là người đưa 02 gói hàng chứa vàng, bạc, dollar lên cất giấu trên xe ô tô biển kiểm soát 75H-001.32, Cơ quan cảnh sát điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người đàn ông này nên tiếp tục điều tra làm rõ.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Võ Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Võ Thị N** (tên gọi khác: **N**) phạm tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới*”.

Áp dụng khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Thị N **500.000.000** đồng (*năm trăm triệu*).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, sung ngân sách nhà nước: 100 (*một trăm*) tờ tiền Dollar Mỹ, mệnh giá 100 USD hoàn trả sau giám định được đựng trong 01 hộp nhựa trong suốt kích thước (21,3x14,8x5,0)cm, được dán kín bằng băng dính và niêm phong bằng hình dấu tròn của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng và chữ ký của những người tham gia giao, nhận; 01 (*một*) thanh kim loại vàng; 24 (*hai mươi bốn*) miếng kim loại màu vàng, bạc; 55 (*năm mươi lăm*) vòng kim loại màu hồng nhạt; 64 (*sáu mươi tư*) vòng kim loại màu trắng; 51 (*năm mươi một*) sợi dây bằng kim loại màu vàng, bạc và toàn bộ bao gói được niêm phong trong 01 thùng cát tông kích thước (32x23x24)cm, được dán kín bằng băng dính, niêm phong có hình dấu của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng và chữ ký của những người tham gia giao, nhận.

Tịch thu tiêu hủy 01 hộp giấy kích thước (28,5x14x10)cm, được quấn bằng keo màu trắng trong suốt và được bọc bằng bao nilon màu trắng, bên ngoài hộp giấy có dòng chữ “BETTER”, phía trên bao nilon màu trắng có nội dung dòng chữ “0772331331 Đà Nẵng”; 01 hộp nhựa trong suốt không có nắp cài, kích thước (16x11x8)cm, được bọc bên ngoài bằng nilon màu vàng và quấn bằng keo màu

trắng trong suốt, phía trên bao nilon màu vàng có nội dung dòng chữ “0772331331 Đà Nẵng 0772331331”. Sau giám định hoàn trả trong túi niêm phong ký hiệu PS1A, mã số 067385, có hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị và chữ ký xác nhận của những người tham gia niêm phong.

(Vật chứng hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/4/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hướng Hóa với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa)

Tịch thu, sung ngân sách nhà nước số tiền 600.000 (sáu trăm ngàn) kíp Lào của bị cáo Võ Thị N, do bà Mai Thị Huyền N đã tự nguyện giao nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa ngày 19/4/2023 theo Biên lai thu tiền số BB/2021/0000029.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Võ Thị N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/4/2023). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hướng Hóa;
- Sở Tư pháp T. Quảng Trị;
- Công an huyện Hướng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hướng Hóa;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- NCQLNVLQ;
- Hồ sơ Thi hành án hình sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Sơn